

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI



**CHUẨN ĐẦU RA**  
**NGÀNH SƯ PHẠM VẬT LÝ**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

*(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-ĐHĐN ngày ...../...../2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

Đồng Nai 2020



# 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## 1.1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Sư phạm Vật lý

Ngành Sư phạm Vật lý trình độ đại học của Trường Đại học Đồng Nai được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt theo quyết định số 1572/QĐ-BGDĐT ngày tháng năm. Khóa tuyển sinh đầu tiên ngành Sư phạm Vật lý tại Trường Đại học Đồng Nai bắt đầu vào năm học 2011-2012, Khoa Sư phạm Khoa học Tự nhiên được giao nhiệm vụ triển khai công tác giảng dạy.

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Vật lý chu kỳ 2018-2021 được sửa đổi và cập nhật trên cơ sở chương trình đào tạo chu kỳ 2013-2017. Nội dung chương trình đào tạo được thiết kế theo hai định hướng nghề nghiệp của người học là Dạy học Vật lý ở bậc phổ thông và Nghiên cứu chuyên sâu Vật lý.

## 1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo ngành Sư phạm Vật lý

Tên chương trình (Tiếng Việt): Sư phạm Vật lý

Tên chương trình (Tiếng Anh): **Physics Teacher Education**

Mã ngành đào tạo: 7140211

Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Đồng Nai

Trình độ đào tạo: Cử nhân

Hình thức đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 4 năm



## 2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

### 2.1. Mục tiêu chung

Chương trình Đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Vật lí giúp người học có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; có năng lực tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo cũng như khả năng làm việc nhóm và hợp tác tốt; tư tưởng chính trị và phẩm chất đạo đức tốt; có đủ sức khỏe thể chất và tinh thần; am hiểu tâm lý học sinh; có khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi, phát triển và nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Sau khi hoàn thành chương trình, người tốt nghiệp có đủ khả năng để giảng dạy chuyên môn Vật lí ở các trường phổ thông, trường dạy nghề, các trường Cao đẳng và Đại học có hệ phổ thông; làm các công tác tư vấn, chuyên viên, quản lí ở các cơ sở giáo dục và đào tạo; làm chuyên viên tại các cơ sở nghiên cứu khoa học về lĩnh vực Vật lí như các Viện, trung tâm nghiên cứu Khoa học – Công nghệ; làm trợ giảng tại các trường Đại học. Người học hoàn thành chương trình này còn có thể tham gia các nhóm, các dự án nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực khoa học giáo dục và Vật lí; có đủ khả năng để tiếp tục học tập và nghiên cứu ở các bậc sau đại học là Thạc sĩ và Tiến sĩ

### 2.2. Mục tiêu cụ thể

#### - Về kiến thức:

PO1: Vận dụng tốt các kiến thức thuộc năng lực chuyên môn Vật lí và nghiệp vụ sư phạm vào giảng dạy môn Vật lí.

PO2: Vận dụng các kiến thức chuyên ngành để nghiên cứu các giải pháp, các vấn đề khoa học trong ngành Vật lí.

PO3: Nghiên cứu các vấn đề về khoa học giáo dục; đáp ứng được các yêu cầu về đổi mới giáo dục ở trường phổ thông ở hiện tại và trong thời gian tới.

#### - Về kỹ năng:

PO4: Tổ chức, hướng dẫn, hỗ trợ hiệu quả học sinh phát triển các phẩm chất và năng lực qua dạy học Vật lí và các hoạt động giáo dục khác ở trường phổ thông.

PO5: Thực hiện thành thạo các thao tác làm thí nghiệm Vật lí; sử dụng, bảo quản thiết bị, dụng cụ thí nghiệm trong dạy học Vật lí cũng như trong nghiên cứu khoa học.

PO6: Có khả năng giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, khả năng hợp tác nhóm.

PO7: Quản lý, điều hành hiệu quả các hoạt động chuyên môn ở trường phổ thông. Đưa ra được những tư vấn hợp lí về các vấn đề liên quan đến công tác tuyển sinh, dạy học và giáo dục học sinh ở trường phổ thông.



- Về thái độ:

PO8: Có phẩm chất đạo đức, chính trị vững vàng, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội, đạo đức nghề nghiệp, tác phong nhà giáo.

PO9: Có tinh thần trách nhiệm trong công việc, tích cực học tập, nghiên cứu và hội nhập toàn cầu.

### **CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Program learning outcomes- Viết tắt là PLOs)**

*Bảng 1. Chuẩn đầu ra (PLOs) của CTĐT ngành Sư phạm Vật lí*

<b>A1. Kiến thức chung (General Knowledges)</b>	
	PLO1. Vận dụng các kiến thức Vật lí, kiến thức tâm lí giáo dục, kiến thức về khoa học xã hội, văn hóa vào giải quyết các vấn đề trong quá trình dạy học.
	PLO2. Nghiên cứu khoa học về Vật lí chuyên sâu và khoa học Giáo dục nhằm phục vụ sự phát triển của ngành.
<b>A2. Kiến thức nghề nghiệp (Occupation Knowledges)</b>	
	PLO3. Phân tích, đánh giá và phát triển chương trình giáo dục phổ thông môn Vật lí một cách hiệu quả, logic theo quan điểm khoa học và sư phạm.
	PLO4. Thiết kế và triển khai các chiến lược giảng dạy để đạt được mục tiêu đề ra.
	PLO5. Đánh giá chất lượng dạy và học môn Vật lí để cải tiến chất lượng dạy và học trong nhà trường.
<b>B1. Kỹ năng chung (General Skills)</b>	
	PLO6. Giao tiếp đa phương tiện trong lĩnh vực xã hội, trong môi trường đa văn hóa; đạt chuẩn tiếng anh theo quy định của Bộ GD&ĐT.
	PLO7. Làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả ở vị trí là thành viên tích cực hay trưởng nhóm để đạt mục tiêu đề ra.
<b>B2. Kỹ năng nghề nghiệp (Occupation Skills)</b>	



	PLO8. Thực hiện thành thạo các thí nghiệm, sử dụng một cách hiệu quả các công cụ, máy móc phục vụ thí nghiệm và đảm bảo các quy tắc an toàn thí nghiệm.
	PLO9. Tư vấn kịp thời cho học sinh và phụ huynh các vấn đề trong học tập và giao tiếp của học sinh và hướng nghiệp cho học sinh.
<b>C. Thái độ (Attitude)</b>	
	PLO10. Thể hiện tác phong và đạo đức nhà giáo, tinh thần trách nhiệm, đam mê nghề nghiệp và tinh thần học tập suốt đời.

*Chuẩn nghề nghiệp quốc tế thể hiện năng lực thực hiện KSA (Knowledge, Skills, Attitude)*

*Bảng 2. Quan hệ giữa mục tiêu (PO) với chuẩn đầu ra (PLOs) của CTĐT*

Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
<b>PO1</b>	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
<b>PO2</b>	X	X		X	X	X	X	X		X
<b>PO3</b>	X	X	X			X	X	X	X	X
<b>PO4</b>			X	X	X			X	X	
<b>PO5</b>		X	X	X	X	X	X	X		X
<b>PO6</b>	X					X	X			X
<b>PO7</b>	X	X	X	X	X		X	X	X	
<b>PO8</b>	X					X				X
<b>PO9</b>		X				X			X	X



### 3. CƠ HỘI VIỆC LÀM VÀ HỌC TẬP SAU KHI TỐT NGHIỆP

#### 3.1. Vị trí việc làm

Sau khi tốt nghiệp ngành cử nhân Sư phạm Vật lý, sinh viên có thể đảm nhiệm các vị trí công tác:

- Giáo viên Vật lý Trung học phổ thông (THPT), Trung học cơ sở (THCS), Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề (TCCN&DN), Trung tâm giáo dục thường xuyên (TTGDTeX). Dạy các chuyên đề Khoa học Tự nhiên theo chương trình phổ thông mới của Bộ giáo dục và đào tạo tại các cấp học phổ thông.

- Nhân viên thiết bị, phòng thí nghiệm trong trường THPT, THCS, TCCN&DN, TTGDTeX.

- Trợ giảng ở các trường Đại học & Cao đẳng có chuyên ngành đào tạo liên quan đến Vật lý.

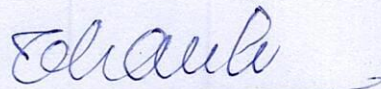
- Tham gia phục vụ lực lượng vũ trang ở một số bộ phận mà việc thực hiện nhiệm vụ cần sử dụng kiến thức chuyên môn về Vật lý.

- Chuyên viên, nghiên cứu viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục, sở Khoa học và công nghệ, các bệnh viện, viện nghiên cứu và trung tâm nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực Vật lý và giáo dục.

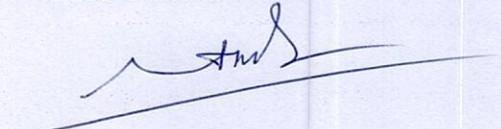
#### 3.2. Cơ hội học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Sư phạm Vật lý có thể tiếp tục học tập sau đại học các chuyên ngành Vật lý chuyên sâu, cũng như nghiên cứu các phương pháp giảng dạy trong nước hoặc ngoài nước để nâng cao trình độ chuyên môn.

**TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**

  
Lê Kim Chi

**TRƯỞNG KHOA**

  
Trương Văn Minh

**KT. HIỆU TRƯỞNG**



**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
TS. Phạm Văn Khanh